

Phụ lục số 01

Mẫu Giấy đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ LẦN ĐẦU
RA CÔNG CHÚNG**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là: Công ty quản lý quỹ

Giấy phép thành lập và hoạt động số do Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày tháng năm

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị UBCKNN cho đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ mở lần đầu ra công chúng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Quỹ: (tên quỹ dự kiến thành lập):
2. Loại hình quỹ:
3. Tên tiếng Anh (nếu có):
4. Tên viết tắt:
5. Thời hạn hoạt động:
6. Tổng số đơn vị quỹ dự kiến chào bán:
7. Mệnh giá chứng chỉ quỹ:
8. Tổng số vốn dự kiến huy động:
9. Tổng số đơn vị quỹ tối đa lưu hành (nếu có):
10. Ngân hàng giám sát:
11. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm
12. Địa chỉ trụ sở chính:.....;
13. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có):
14. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm /Giấy phép thành lập và hoạt động số... docấp ngày.....tháng.....năm.....
15. Địa chỉ trụ sở chính:.....;
16. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ (nếu có):

17. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm
18. Địa chỉ trụ sở chính:.....;
19. Các tổ chức khác (*nêu rõ hoạt động được ủy quyền*)
20. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm /Giấy phép thành lập và hoạt động số... docấp ngày.....tháng.....năm...
21. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Hồ sơ gửi kèm
(*Liệt kê đầy đủ*)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục số 02

Mẫu Điều lệ Quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

ĐIỀU LỆ QUỸ MỞ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Chứng khoán
2. Nghị định ...
3. Thông tư
4. Quyết định

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

- “Quỹ ” Là Quỹ đầu tư, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và điều lệ quỹ.
- “Công ty quản lý quỹ” Nghĩa là Công ty quản lý quỹ.... được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động sốdo Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày .../.../.....Công ty quản lý quỹ..... được uỷ thác quản lý quỹ.....(*tên của quỹ*), có quyền và nghĩa vụ theo quy định tạiĐiều lệ này.
- "Ngân hàng giám sát" (sau đây gọi tắt là ngân hàng....) Nghĩa là Ngân hàngđược thành lập theo giấy phép số nơi cấp.....ngày cấp...../.../.....và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại...của Điều lệ này.
- “Công ty kiểm toán.” là công ty kiểm toán cho quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ

định, là công ty kiểm toán....., , là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận ..., thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư

“Điều lệ quỹ...”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Người đầu tư của Quỹ..
“ Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.

“Chứng chỉ Quỹ đầu tư” (Sau đây gọi là Chứng chỉ) là chứng khoán do Công ty quản lý quỹ đại diện cho Quỹ phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.

“Giá bán/Giá phát hành” Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Giá mua lại” Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. /Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Phí quản lý quỹ” Là phí phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Phí phát hành/phí mua lại” Là phí mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều.....của Điều lệ này.

“Cổ tức Quỹ” Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.

“Năm tài chính” Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày định giá mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh (nếu có):

Tên viết tắt:

Địa chỉ liên hệ:

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ (nếu có)

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn Điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là:..... Số vốn này được chia thành đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 đồng.

2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.

3. Số lượng đơn vị quỹ được phép lưu hành tối đa (nếu có):

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng đơn vị quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ..... ra công ty.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Công ty quản lý quỹ.....
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Ngân hàng.....
- Giấy phép thành lập do NHNN cấp số:
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:

Điều 8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (*Quy định này không bắt buộc có trong Điều lệ quỹ*)

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có):
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm /Giấy phép thành lập và hoạt động số... docấp ngày.....tháng.....năm.....
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....;
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ (nếu có):
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm ;
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....;
3. Các tổ chức khác (*nêu rõ hoạt động được ủy quyền*):
 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số do UBCKNN cấp ngày tháng năm /Giấy phép thành lập và hoạt động số... docấp ngày.....tháng.....năm...
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Điều 10. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư
2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

- a) Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

4. Trường hợp quỹ đầu tư vào tài sản theo quy định tại điểm e khoản 3 phải được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện. Đồng thời phải có cam kết của tổ chức phát hành hoặc tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

Điều 11. Hạn chế đầu tư

- 1. Vốn và tài sản của Quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Không được nắm giữ quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 3 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó giá trị chứng khoán phái sinh quy định tại điểm f khoản 3 Điều 10 Điều lệ này là giá trị cam kết của hợp đồng;
 - c) Không được đầu tư vào quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành. Chứng khoán quy định tại điểm này bao gồm cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết;
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e hoặc điểm g khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán

phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ, không vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;

h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

2. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h, i khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ mở được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư do các nguyên nhân sau:

a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;

c) Do thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư.

d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập, thu tóm các tổ chức phát hành;

e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Điều lệ này.

2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu.
4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu.
5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ khác.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ tương ứng với số lượng đơn vị quỹ nắm giữ;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
 - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ thay mặt quỹ mua lại chứng chỉ quỹ hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ
 - d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
 - e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.
2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - b) Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc đại lý ký danh lập, quản lý sổ phụ và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

a) Đối với cá nhân: Họ và tên của nhà đầu tư; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);

Đối với tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch chứng chỉ quỹ;

b) Số tài khoản; hoặc Số tiểu khoản kèm theo Số tài khoản ký danh; Mã số đăng ký giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);

c) Số lượng đơn vị quỹ sở hữu; ngày đăng ký sở hữu (vào Sổ chính).

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.

2. Tần suất giao dịch của quỹ..... *(không ít hơn hai lần trong một tháng)*

3. Lệnh mua

4. Lệnh bán

5. Lệnh chuyển đổi (nếu có)

6. Thời điểm đóng sổ lệnh

7. Phương thức thanh toán

Điều 18. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:

- Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

- Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn một số đơn vị quỹ hoặc giá trị tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư đã được quy định tại Điều lệ Quỹ (nếu có); hoặc

- Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và đã được công bố tại Bản Cáo bạch (nếu có); hoặc

- Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và công bố tại bản cáo bạch ; hoặc) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ và đã được công bố tại bản cáo bạch.

2. Đối với việc mua lại phần còn lại của lệnh bán, lệnh chuyển đổi đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc như sau:

a) Theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan hoặc đại lý phân phối trước thì được thực hiện trước; hoặc

b) Theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ: Phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

4. Chứng chỉ quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

b) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

c) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

5. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ..... *(không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất)*

6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 điều này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

7. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 19. Giá bán, giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu

2. Giá bán một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi phí mua lại (nếu có).

3. Giá mua một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với phí phát hành (nếu có phí phát hành).

4. Phí mua lại

5. Phí phát hành

6. Phí chuyển đổi

Điều 20. Thừa kế chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 21. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư và tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại hội nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội nhà đầu tư thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, *trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định khác*.

3. Đại hội nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;

c) Các trường hợp khác.....

4. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong vòng ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư.

Điều 22. Quyền và nhiệm vụ của đại hội nhà đầu tư

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát;

2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; Tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; Thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;

3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;

4. Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;

5. Giải thể quỹ;

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ.

7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

Điều 23. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất ngày trước khi tiến hành đại hội.

2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

3. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

5. Thể thức, hình thức họp Đại hội nhà đầu tư.

Điều 24. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức biểu quyết khác do Điều lệ Quỹ quy định.

3. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

4. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất..... tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và

b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

5. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 21 điều lệ này, Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tham gia biểu quyết; và

b) Tổng số phiếu biểu quyết thông qua theo quy định tại điểm a khoản này không ít hơn tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm biểu quyết.

6. Trường hợp cuộc họp Đại hội nhà đầu tư tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này, đồng thời, số nhà đầu tư tham dự Đại hội đại diện cho dưới tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này. Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 22 điều lệ này, Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

7. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.

8. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

9. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 25. Phản đối quyết định của đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 22 có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác của công ty quản lý quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với các yêu cầu của nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của

công ty quản lý quỹ, đại lý ký danh. Trong trường hợp này, nhà đầu tư không phải thanh toán phí mua lại, phí chuyển đổi.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 26. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện quỹ có thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập.

2. Trong Ban đại diện Quỹ phải có:

a) Tối thiểu thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của quỹ và nhà đầu tư.

2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Thông tư này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.

3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

4. Trường hợp điều lệ quỹ có quy định và đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 22 Điều lệ này.

5. Có quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Các quyền và nhiệm vụ khác

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ban đại diện quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, ban đại diện quỹ, thông qua công ty quản lý

quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, ngân hàng giám sát biên bản họp và nghị quyết của ban đại diện quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho nhà đầu tư theo phương thức quy định tại điều lệ quỹ

8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ gây thiệt hại cho quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 29. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

Điều 30. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 31. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

(Do Điều lệ quỹ quy định)

Điều 32. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.

2. Cuộc họp ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên

3. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin,

nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản

4. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được từ trở lên số thành viên dự họp và từ..... trở lên số thành viên độc lập thông qua.

5. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện quỹ.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Nghĩa vụ công ty quản lý quỹ
2. Quyền công ty quản lý quỹ

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị Ban đại diện quỹ sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;

b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Hợp nhất, sáp nhập với một Công ty quản lý quỹ khác;

d) Quỹ hết thời gian hoạt động.

2. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ.

Điều 36. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 98 Luật Chứng khoán và không phải là người có liên quan tới Công ty quản lý quỹ.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng ;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quỹ định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác , tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- l) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của điều Lệ;
- m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;

2. Quyền của Ngân hàng giám sát

Điều 39. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với Công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện công tác xác định giá tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công ty quản lý quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

c) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;

e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền kiểm tra Công ty quản lý quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty quản lý quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công ty quản lý quỹ, quỹ và nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 40. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

CHƯƠNG VIII

CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 41. Các hoạt động được ủy quyền (các dịch vụ được thuê ngoài)

Điều 42. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo;

Điều 43. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền;
2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu;
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn...;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

10. Tối thiểu một năm một lần, công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Điều 45. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Chương VIII

Đại lý phân phối, đại lý ký danh

Chương IX

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 46. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 49. Báo cáo tài chính

Điều 50. Báo cáo khác

Chương X

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường hoặc giá hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.

2. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty quản lý quỹ điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

3. Trong thời hạn hai (02) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá cung cấp bởi các tổ chức cung cấp báo giá. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

5. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ ... và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát xác nhận và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

6. Các quy định khác theo quy định của Điều lệ.

Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Điều 53. Quy trình định giá tài sản quỹ

Giá trị tài sản ròng phải được tính toán bằng các nguyên tắc định giá hợp lý và phù hợp với qui định của UBCKNN [nêu rõ phương pháp đánh giá theo qui định]

Điều 54. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mà chịu thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót được coi là lớn như sau:

- a) Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;
- b) Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên trong các trường hợp khác.

2. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

- a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;

b) Đối với quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Điều 55. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Chương XI

LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Điều 56. Lợi nhuận của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch.

3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:

a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);

b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;

c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);

d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;

e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ

5. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ.

Điều 57. Chi phí hoạt động của quỹ

1. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ.

2. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho Ngân hàng giám sát.

3. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.

4. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

5. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ.

6. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.

7. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Chương XII TÁI CƠ CẤU QUỸ

Điều 58. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 59. Các điều kiện tách quỹ

1. Việc tách quỹ phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:

a) Công ty Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Các sự kiện khác do Điều lệ Quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.

2. Việc tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 60. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - c) Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong điều lệ quỹ và trong Giấy Chứng nhận đăng ký lập quỹ mà không được gia hạn (đối với Quỹ có thời hạn hoạt động);
 - d) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - e) Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới ba mươi (10) tỷ liên tục trong sáu (6) tháng;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Quỹ.
2. Việc thanh lý giải thể quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương XV GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ.

1. Công ty Quản lý Quỹ phải:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XVI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 62. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư

Điều 63. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Điều 64. Đăng ký điều lệ

Điều 65. Điều khoản thi hành

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

Phụ lục số 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Phụ lục số 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Phụ lục số 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN
HÀNG GIÁM SÁT**

Phụ lục số 1.1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ:....

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.,....

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác .
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện

có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội người đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 1.2
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:.....do.....cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán :.....do UBCKNN cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

(Tổng) Giám đốc Ngân hàng giám sát (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
--

Phụ lục số 1.3
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ:....

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:.....do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày.....

Ngân hàng giám sát:.....

Số Giấy phép hoạt động:.....do.....cấp ngày.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán :.....do UBCKNN cấp ngày.....

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

(Tổng) Giám đốc của Công ty quản lý quỹ <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>	Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát <i>(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</i>
--	--

Phụ lục số 03

Mẫu Bản cáo bạch quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ MỞ

1. Tên của Quỹ, số giấy phép;
2. Loại hình Quỹ;
3. Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN
4. Thời hạn hiệu lực của Bản Cáo bạch
5. Tiêu đề của Bản cáo bạch
6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày ... tháng ... năm ...

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin.
8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, hình thức cung cấp các tài liệu này (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...);

(trang bìa)

MỤC LỤC

Trang

**Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo
bạch**

Các thuật ngữ/định nghĩa

Cơ hội đầu tư

Thông tin về công ty quản lý quỹ

Thông tin về ngân hàng giám sát dự kiến

Thông tin về tổ chức khác có liên quan

Các thông tin về quỹ đầu tư

Thông tin chung về quỹ

Điều lệ quỹ tóm tắt

Mục tiêu, chiến lược và hạn chế đầu tư

Giao dịch chứng chỉ quỹ

Phí, lệ phí

Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Đại hội nhà đầu tư

Ban đại diện quỹ

Công ty quản lý quỹ

Ngân hàng giám sát

Các rủi ro của Quỹ

Phát hành lần đầu và giao dịch các lần tiếp theo

Tình hình hoạt động của quỹ

Báo cáo tài chính

Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

Các chỉ tiêu hoạt động

Dự báo kết quả hoạt động của quỹ

Xung đột lợi ích

Chế độ báo cáo

Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư

Cam kết

Phụ lục đính kèm

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do (*tên Công ty quản lý quỹ*) lập sau khi có xác nhận của (*tên Ngân hàng giám sát*). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (*tên các tổ chức liên quan*) cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Phần này dành để giải thích các thuật ngữ/ định nghĩa dùng trong Bản cáo bạch.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên công ty:

Giấy phép thành lập và hoạt động số:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):

Thời hạn hoạt động (nếu có):

Vốn điều lệ:

Cổ đông/thành viên công ty quản lý quỹ:

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên sáng lập;

- Giới thiệu về cổ đông/thành viên từ 5% vốn điều lệ;

Giới thiệu về hội đồng quản trị/hội đồng thành viên (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên);

Giới thiệu về Ban lãnh đạo công ty quản lý quỹ (cơ cấu, thông tin tóm tắt các thành viên)

Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên)

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

- Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) năm (05) năm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch;

- Các quỹ mà Công ty đang quản lý (nêu chi tiết danh sách, tên quỹ, loại hình quỹ...);

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai;

- Trong bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên ngân hàng:

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có)

Lĩnh vực hoạt động chính

(Đính kèm hợp đồng giám sát giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát).

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Tên công ty:

Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

Nơi thành lập:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Fax:

Thời hạn hoạt động (nếu có)

(đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa Công ty QLQ và Công ty kiểm toán).

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ được lựa chọn bao gồm

Tên:

Địa chỉ:

Số Giấy chứng nhận làm đại lý phân phối:

Các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật)

Tổ chức được ủy quyền:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính;
- Số giấy phép thành lập và hoạt động;
- Thời gian hoạt động;
- Lĩnh vực hoạt động chính
- Phạm vi dịch vụ được ủy quyền (liệt kê những điều khoản trong hợp đồng)
- Chi phí phải thanh toán.....hình thức thanh toán

(đính kèm hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức được ủy quyền).

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

- 1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.
- 1.2 Giấy đăng ký phát hành.
- 1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động quỹ.
- 1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ (nếu có).

2. Điều lệ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu và Điều lệ Quỹ cập nhật trong các lần công bố Bản cáo bạch tiếp theo (nếu thay đổi).

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

- 2.1. Các điều khoản chung
- 2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế
 - Mục tiêu đầu tư
 - Chiến lược đầu tư
 - Tài sản được phép đầu tư
 - Cơ cấu đầu tư
 - Các hạn chế đầu tư
 - Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ
 - Phương pháp lựa chọn đầu tư /;
 - Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng
- 2.3 Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư
 - Nhà đầu tư
 - Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư
 - Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ
 - Quyền biểu quyết của nhà đầu tư

- Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể quỹ và quyền của nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể quỹ

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ:

- Quy trình nhận lệnh bán, điều kiện thực hiện lệnh bán
- Quy trình nhận lệnh mua, điều kiện thực hiện lệnh mua
- Quy trình nhận lệnh chuyển đổi, điều kiện thực hiện lệnh chuyển đổi
- Các trường hợp tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

2.5 Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch trên một đơn vị quỹ
- Hình thức công bố thông tin về các giá giao dịch, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin

- Thông tin về các mức phí: phí phát hành, phí mua lại, phí chuyển đổi

2.6. Thông tin về các mức phí mà quỹ phải trả

- Phí quản lý
- Phí giám sát
- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật
- Các loại phí, chi phí hạch toán vào quỹ; các loại phí, chi phí mà nhà đầu tư phải thanh toán

2.7 Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ;
- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với quỹ, thuế thu nhập đối với nhà đầu tư (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc nhà đầu tư tự thanh toán)

2.8 Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường
- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội nhà đầu tư;
- Thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư;
- Quyết định của đại hội nhà đầu tư.

2.9 Ban đại diện Quỹ

- Tổ chức Ban đại diện Quỹ (danh sách ban đại diện quỹ);
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ;
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ;
- Chủ tịch Ban đại diện quỹ;
- Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ;
- Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ;
- Người đại diện cho thành viên Ban đại diện Quỹ;
- Biên bản họp Ban đại diện Quỹ.

2.10 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ;
- Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ;
- Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ.

2.11 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.

2.12 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1 Rủi ro thị trường

3.2 Rủi ro lãi suất

3.3 Rủi ro lạm phát

3.4 Rủi ro thiếu tính thanh khoản

3.5 Rủi ro pháp lý

3.6 Rủi ro tín nhiệm

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

3.8 Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư).

3.9 Rủi ro cá biệt

3.10. Rủi ro khác.

4. Các thông tin đầu tư khác

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

2. Phương án phát hành lần đầu.

- Tên quỹ:
- Loại hình:
- Thời hạn của Quỹ:
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư:
- Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:
- Các sản phẩm dự kiến đầu tư:
- Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:
- Cơ cấu đầu tư:
- Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán (hoặc số lượng đơn vị quỹ tối đa và tối thiểu dự kiến chào bán):
- Thời hạn phát hành trong lần phát hành lần đầu, Gia hạn thời hạn phát hành Chứng chỉ Quỹ:

- Mệnh giá:
- Giá phát hành:
- Đơn vị tiền tệ:
- Số lượng đăng ký tối thiểu:
- Phương thức phân bổ chứng chỉ quỹ lần đầu: (Tổng số tiền đầu tư ban đầu – Phí phát hành lần đầu (x%)):

- Mệnh giá:
- Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư;
- Phương thức và hình thức thanh toán;
- Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu;
- Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối;
- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành.

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo.

- Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ sau đợt phát hành lần đầu:
- Ngày giao dịch:
- Giá mua:
- Giá bán:
- Số lượng đăng ký giao dịch mua/bán tối thiểu:
- Thời gian chốt giao dịch:
- Thời hạn xác nhận giao dịch:
- Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư
- Tần suất giao dịch của quỹ:
- Phương thức giao dịch:
- Hủy lệnh giao dịch:
- Giao dịch chuyển đổi quỹ:
- Tạm dừng giao dịch:
- Địa điểm và đại lý phân phối:

3. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch

Phương pháp và thời điểm xác định giá trị tài sản ròng.

Phương tiện và địa chỉ công bố giá trị tài sản ròng, kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất và số lượng chứng chỉ quỹ lưu hành hiện tại.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm)

2. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

- a) Phí phát hành lần đầu.
- b) Phí mua lại.
- c) Phí phát hành.
- d) Phí quản lý.

- e) Phí chuyển đổi.
- f) Phí giám sát, phí lưu ký.
- g) Các loại phí và lệ phí khác (phí kiểm toán, tư vấn thuế, định giá....)
- h) Các thông tin khác.

3. Các chỉ tiêu hoạt động

- 3.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ
- 3.2. Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

4. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của Quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của Quỹ cho các nhà đầu tư.

5. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế, v.v... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

6. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH (Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NĐTCHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Nêu rõ nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho người đầu tư của Quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NĐT

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với Công ty quản lý Quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến Quỹ.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- 1. Phụ lục quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ
- 2. Phiếu đăng ký mua/bán chứng chỉ quỹ
- 3. Địa chỉ các nơi Bản cáo bạch được cung cấp
- 4. Dự thảo Điều lệ quỹ đầu tư
- 5. Các phụ lục khác

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 04

Mẫu Bản cáo bạch tóm tắt quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

(trang bìa)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH TÓM TẮT CỦA QUỸ...

1. Tên, loại hình quỹ; tóm tắt mục tiêu, chiến lược đầu tư, thời hạn hoạt động (nếu có) của quỹ, loại hình nhà đầu tư là đối tượng chào bán của quỹ.
2. Thông tin về công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, tổ chức kiểm toán, danh sách đại lý phân phối, các tổ chức được ủy quyền (nếu có) và danh sách thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Kết quả hoạt động đầu tư của quỹ trước đó (nếu có), kèm theo khuyến cáo về việc kết quả hoạt động đầu tư trước đó chỉ mang tính tham khảo, và việc đầu tư vào Quỹ không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời hoặc bảo đảm khả năng thu hồi vốn.
4. Thông tin cơ bản hướng dẫn tham gia đầu tư vào quỹ bao gồm các vấn đề liên quan tới quy trình phát hành thêm, mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ; mua lại một phần chứng chỉ quỹ và tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; phí phát hành (nếu có); phí mua lại chứng chỉ quỹ (nếu có); phí chuyển đổi quỹ (nếu có).
5. Các khoản thuế, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán; các khoản thuế, phí, lệ phí mà nhà đầu tư phải thanh toán.
6. Thông tin cơ bản về hình thức, phương thức, lộ trình, thời điểm phân phối lợi nhuận quỹ.
7. Thông tin cơ bản về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ.
8. Chế độ công bố thông tin, hình thức cung cấp thông tin, tài liệu về quỹ cho nhà đầu tư; địa chỉ, thời gian và hình thức liên lạc để tìm hiểu thêm thông tin về quỹ.

Phụ lục số 05

Giấy đề nghị đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 183/TT-BTC ngày 16/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở;

Đề nghị UBCKNN cấp chứng nhận hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở cho:

1. Tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng/công ty
2. Tên giao dịch của ngân hàng/công ty
3. Địa chỉ chính thức trụ sở chính của ngân hàng/công ty
4. Địa chỉ giao dịch, số điện thoại, fax
5. Phạm vi và nội dung hoạt động của ngân hàng/công ty nêu trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở
6. Tên, năm sinh, quốc tịch của Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc/ Giám đốc Ngân hàng/ Doanh nghiệp Bảo hiểm

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 06

**Giấy ủy quyền cho hội sở, chi nhánh, phòng giao dịch làm địa điểm phân phối
chứng chỉ quỹ mở**

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY ỦY QUYỀN CHO HỘI SỞ, CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN
HÀNG/CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM THỰC HIỆN HOẠT
ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

Ngân hàng/Doanh nghiệp bảo hiểm.....

Địa chỉ:

ỦY QUYỀN CHO

Hội sở/ Chi nhánh /Phòng giao dịch.....

Địa chỉ:.....

được tham gia vào hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở.

Hội sở/ chi nhánh /phòng giao dịch có nghĩa vụ sau:

- Phải tuân thủ theo các qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thực hiện các công việc theo ủy quyền và báo cáo cho Ngân hàng/Doanh nghiệp bảo hiểm về các công việc có liên quan đến hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở;
- Chịu trách nhiệm trước Ngân hàng/Doanh nghiệp bảo hiểm..... về toàn bộ hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở trong phạm vi được ủy quyền của mình.

...., Ngày.... tháng...năm

Tổng Giám đốc / Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 07

Mẫu bản cung cấp thông tin cá nhân

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Họ và tên : Nam/ Nữ
Bí danh (nếu có):
2. Ngày tháng năm sinh :
3. Nơi sinh :
4. Số chứng minh thư nhân dân (hoặc hộ chiếu, các tài liệu chứng thực khác):
5. Quốc tịch :
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :
7. Chỗ ở hiện tại:
8. Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
9. Điện thoại, fax, email:
10. Trình độ văn hoá:
11. Trình độ chuyên môn:
12. :
☐ Công chức Nhà nước ☐ Viên chức Nhà nước ☐ Khác
13. Thái độ chính trị:
☐ Đảng viên ☐ Chưa Đảng viên

14. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật

15. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua, kết quả công tác tại từng vị trí):

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác/Trách nhiệm	Kết quả công tác	Khen thưởng	Kỷ luật

16. Chức vụ dự kiến tại bộ phận phân phối chứng chỉ quỹ/Ban Đại diện quỹ:

17. Nơi làm việc và chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác (*nêu chi tiết, kể cả trường hợp có hợp đồng lao động bán thời gian*):

18. Nhân thân người khai (Quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Họ và tên	Năm sinh	Số chứng mình nhân dân	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Vợ/chồng:					
Bố:					
Mẹ					
Con					
Anh/chị/em ruột:					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên.

Người khai

(*Ký, ghi rõ họ tên*)

Phụ lục số 08

Thuyết minh cơ sở vật chất kỹ thuật, tổ chức nhân sự phục vụ hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT, TỔ CHỨC NHÂN SỰ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Tên đại lý phân phối:

Địa chỉ trụ sở chính của Đại lý phân phối:

1. Danh sách các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ

STT	Địa điểm phân phối	Địa chỉ trụ sở	Số giấy phép thành lập và hoạt động /Quyết định thành lập phòng giao dịch

2. Hệ thống máy vi tính, thiết bị phục vụ cho hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ:

STT	Địa điểm phân phối (nêu rõ địa chỉ)	Số lượng máy vi tính	Số lượng máy điện thoại	Số máy lượng fax

- Dự kiến phương pháp lưu giữ và xử lý thông tin về nhà đầu tư;
- Phương pháp cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, trụ sở chính của đại lý phân phối, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức liên quan khác (thông qua hệ thống máy tính, điện thoại, telex, fax ...);
- Nêu rõ tính năng, tác dụng, tình trạng, cấp độ công nghệ của trang thiết bị sử dụng và việc bố trí hệ thống máy tính này tại trụ sở làm việc.

3. Đội ngũ cán bộ

STT	Họ và tên	Số CMND	Loại/Số CCHN chứng khoán	Số hợp đồng lao động ký với tổ chức là đại lý phân phối/ngày ký/thời hạn hợp đồng	Địa điểm phân phối (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, telex....)

Chúng tôi cam kết:

- 1) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên;
- 2) Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất, tổ chức nhân sự là đáp ứng quy định pháp luật, đủ điều kiện cung cấp dịch vụ phân phối chứng chỉ quỹ mở.

**Tổng Giám đốc/Giám đốc Ngân hàng/
Doanh nghiệp bảo hiểm**
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 09

Mẫu giấy đăng ký lập quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...,ngày... tháng... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ LẬP QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:...

Đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp đăng ký lập quỹ với các nội dung sau:

1. Tên Quỹ:
2. Tên tiếng Anh (nếu có):
3. Tên viết tắt:
4. Ngân hàng Giám sát:
5. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (*nêu rõ tên từng tổ chức và hoạt động được ủy quyền*):
6. Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số..... ngày..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
7. Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có):
8. Vốn điều lệ của Quỹ:
9. Số lượng đơn vị quỹ:
10. Giá trị tài sản ròng hoặc số lượng đơn vị quỹ tối đa được lưu hành (nếu có):
11. Giá trị tài sản ròng hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu được lưu hành (nếu có):

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung giấy đề nghị và hồ sơ xin đăng ký lập Quỹ mở kèm theo.

Hồ sơ kèm theo
(liệt kê đầy đủ)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 10

Báo cáo kết quả chào bán quỹ mở ra công chúng

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)
(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ... /GCNĐKCB do Chủ tịch Ủy ban chứng
khoán Nhà nước cấp ngày....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi là:

- Công ty quản lý quỹ (tên đầy đủ và chính thức của công ty ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:...
- Ngân hàng giám sát (tên đầy đủ và chính thức của ngân hàng ghi bằng chữ in hoa)
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ... tháng ... năm ...
- Người đại diện theo pháp luật:
- Địa chỉ trụ sở chính:
Điện thoại: Fax:...

I. Chứng chỉ quỹ chào bán:

1. Tên quỹ
2. Tên chứng chỉ quỹ chào bán
3. Loại quỹ
4. Mệnh giá
5. Giá phát hành
6. Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán
7. Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến
8. Ngày bắt đầu chào bán
9. Ngày kết thúc chào bán
10. Thời hạn đăng ký mua: từ ngày....đến ngày....

II. Tên tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có)

1. Tên tổ chức bảo lãnh phát hành chính
2. Tên các tổ chức bảo lãnh phát hành khác và số lượng chứng chỉ cam kết bảo lãnh
3. Phí bảo lãnh phát hành

III. Đại lý phân phối

1. Danh sách các đại lý phân phối và địa chỉ
2. Danh sách các đại lý ký danh và địa chỉ

IV. Kết quả chào bán

1. Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối:....., chiếm% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ được phép chào bán (nếu có) hoặc chiếm% tổng số đơn vị quỹ dự kiến chào bán lần đầu:

2. Tổng số vốn thu được từ việc bán chứng chỉ quỹ:

3. Tổng chi phí:

- Phí bảo lãnh phát hành

- Phí trả cho đại lý phân phối

4. Về cơ cấu nhà đầu tư:

STT	Hình thức giao dịch	Số lượng nhà đầu tư			Số lượng chứng chỉ quỹ			Tỷ trọng sở hữu		
		Trong nước	Ngoài nước	Tổng	Trong nước	Ngoài nước	Tổng	Trong nước	Ngoài nước	Tổng
1	Giao dịch trực tiếp									
2	Giao dịch qua đại lý ký danh									

**Đại diện có thẩm quyền của
Ngân hàng giám sát**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng...năm.....

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 11

Danh sách đại lý ký danh và nhà đầu tư

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở)

I. Đối với đại lý ký danh									
STT	Tên đầy đủ của đại lý	Tên viết tắt	Số phép thành lập và hoạt động	Số lượng nhà đầu tư			Số lượng chứng chỉ quỹ		
				Trong nước	Nước ngoài	Tổng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng

II. Đối với nhà đầu tư								
STT	Họ và tên hoặc Tên tổ chức	CMT/ ĐKKD	Địa chỉ	Số TK	Hình thức giao dịch	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Ngày mua

**Đại diện có thẩm quyền của
Ngân hàng giám sát/Tổ chức
cung cấp dịch vụ liên quan**

.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

...., ngày....tháng...năm.....

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 12

Mẫu công văn thông báo về một số thay đổi của nhà đầu tư

(Ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI.....

Kính gửi: Công ty quản lý quỹ.....

Tôi là:

Họ và tên nhà đầu tư/tên của nhà đầu tư tổ chức (ghi bằng chữ in hoa tên nhà đầu tư cá nhân hoặc tổ chức ghi trên Giấy CMND/Hộ chiếu hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh):.....

Giấy đăng ký NSH¹ số:

Do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/đăng ký kinh doanh) hoặc Địa chỉ thường trú (địa chỉ thường trú ghi trên Hộ chiếu):.....

Điện thoại:.....Fax.....

Email:.....Website:

Quốc tịch:.....

Là khách hàng của đại lý phân phối (tên đầy đủ đại lý phân phối).....

Tên giao dịch của đại lý phân phối:

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

Địa điểm phân phối (tên đầy đủ địa điểm phân phối)

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....

Số Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ; hoặc

Số Tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, Số tài khoản ký danh

Thông báo về thay đổi như sau:

¹ Đối với cá nhân: số Phiếu an sinh xã hội/Hộ chiếu còn hiệu lực; Đối với tổ chức: số Giấy phép thành lập pháp nhân nước nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh; Giấy phép thành lập tổ chức hoặc chi nhánh tại Việt Nam

STT	Nội dung thay đổi	Trước khi thay đổi		Sau khi thay đổi	
I	Giao dịch không mang tính thương mại	Chủ sở hữu trước đây/Số Tài khoản/ Tiêu khoản (Tài khoản ký danh)	Số lượng	Chủ sở hữu mới/Số Tài khoản /Tiêu khoản	Số lượng
1.	Cho, tặng, thừa kế				
2.	Các hình thức khác (nêu chi tiết)				
II	Thay đổi thông tin cá nhân				
1	Ngân hàng nơi mở tài khoản	Tên Ngân hàng	Số tài khoản	Tên Ngân hàng	Số tài khoản
2	Địa điểm đặt trụ sở chính/Địa chỉ liên lạc				
3	Các thay đổi khác (Số giấy CMND/Giấy đăng ký NSH)				

Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung Giấy thông báo này và tài liệu kèm theo.

Xác nhận của đại lý phân phối/đại lý ký danh
(trong trường hợp nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh)

Nhà đầu tư
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

Phụ lục số 13

Phương pháp xác định giá trị tài sản

(Ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

A – Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc

		+ Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	- Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	- Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu

		03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ² điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ³
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁴ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng

² Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

³ Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

⁴ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

		$\times$ giá trị tính trên một điểm chỉ số $\times$ mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng $\times$ giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) $\times$ giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Phụ lục số 14

**Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ do hợp nhất,
sáp nhập, chia tách quỹ**

(Ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LẬP QUỸ
DO HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH**

Chúng tôi là: tên Công ty quản lý quỹ

Giấy phép thành lập và hoạt động số do UBCKNN cấp ngày tháng
năm

Đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ Số.....do
UBCKNN cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Lý do

Sáp nhập ☐

Hợp nhất ☐

Chia tách ☐

II. Nguyên nhân

III. Các quỹ bị sáp nhập/hợp nhất/chia tách (liệt kê chi tiết)

1. Tên quỹ chứng khoán :.....

2. Vốn điều lệ:

3. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ
cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):.....

4. Số lượng đơn vị quỹ tối đa/tối thiểu (nếu có)

5. Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm ra Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng quyết
định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):

6. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của
quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):....

7. Công ty quản lý quỹ:

8. Ngân hàng Giám sát:.....

9. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nêu rõ tên từng tổ chức và hoạt động được
ủy quyền):.....

10. Vai trò của Quỹ: (Nhận sáp nhập/Bị sáp nhập/Hợp nhất/Bị chia tách)

11. Tỷ lệ chuyển đổi (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách)

IV. Quỹ hình thành từ việc sáp nhập/hợp nhất/chia tách

1. Tên quỹ chứng khoán :
 2. Vốn điều lệ:
 3. Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):
 4. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):
 5. Số lượng đơn vị quỹ tối đa/tối thiểu (nếu có)
 6. Giá trị tài sản ròng (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):
 7. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (tính tại thời điểm Đại hội nhà đầu tư của quỹ cuối cùng ra quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách):
 8. Công ty quản lý quỹ:
 9. Ngân hàng Giám sát:
 10. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (nêu rõ tên từng tổ chức và hoạt động được ủy quyền):
- Đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ với nội dung nêu trên.

.....ngày.....tháng.....năm.....

Tổng giám đốc/Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 15

Mẫu báo cáo tài sản của Quỹ trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách
(Ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ TRƯỚC VÀ SAU KHI HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH

1. Tên Công ty quản lý quỹ :
2. Tên Ngân hàng giám sát:
3. Tên các Quỹ bị hợp nhất, sáp nhập, chia tách
4. Ngày lập báo cáo:

I – Trường hợp hợp nhất, sáp nhập

Đơn vị tính:....VND

TT	Chỉ tiêu	Trước khi hợp nhất, sáp nhập			Sau khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách	Chênh lệch
		Quỹ ...	Quỹ..	Quỹ..	Quỹ ...	
		(1)	(2)	(3)	(n)	(n+1) = (n)-(1)-(2)-(3)-...
TÀI SẢN						
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền					
	Tiền					
	Tiền gửi ngân hàng					
	Các khoản tương đương tiền					
I. 2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
I. 3	Cổ tức được nhận					
I. 4	Lãi được nhận					
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
I. 6	Các khoản phải thu khác					
I. 7	Các tài sản khác					
I.8	Tổng tài sản					
NỢ						
II. 1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
II. 2	Các khoản phải trả khác					
II.3	Tổng nợ					

Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)						
10	Tổng số đơn vị quỹ					
11	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ					

II – Trường hợp chia, tách

TT	Chỉ tiêu	Sau khi chia tách			Trước khi chia, tách	Chênh lệch (nếu xác định được)
		Quỹ ...	Quỹ...	Quỹ..	Quỹ ...	
		(1)	(2)	(3)	(n)	$(n+1) = (1) + (2) + (3) + \dots - (n)$

TÀI SẢN

I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền					
	Tiền					
	Tiền gửi ngân hàng					
	Các khoản tương đương tiền					
I. 2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)					
I. 3	Cổ tức được nhận					
I. 4	Lãi được nhận					
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)					
I. 6	Các khoản phải thu khác					
I. 7	Các tài sản khác					
I.8	Tổng tài sản					

NỢ

II. 1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)					
II. 2	Các khoản phải trả khác					
II.3	Tổng nợ					

Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)

10	Tổng số đơn vị quỹ					
II	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ					

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám

sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc

Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 16

Phương án hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ, giải thể quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

A - Phương án hợp nhất, sáp nhập phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

- 1) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ;
- 2) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này;
- 3) Danh sách và sơ yếu lý lịch trích ngang của thành viên Ban Đại diện quỹ; người điều hành quỹ;
- 4) Tóm tắt tình hình hoạt động của các quỹ; cơ cấu danh mục đầu tư; nguồn vốn và tài sản trước khi hợp nhất, sáp nhập; vốn điều lệ; số lượng đơn vị quỹ của từng quỹ đang lưu hành;

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

- 1) Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập;
- 2) Thời gian dự kiến tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- 3) Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến;
- 4) Chi phí hợp nhất, sáp nhập;
- 5) Phương pháp kế toán hợp nhất, sáp nhập; thời điểm mà các hoạt động đầu tư bắt đầu được hạch toán tại sổ kế toán của quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập;
- 6) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của từng quỹ, phương thức xác định giá trị các khoản phải thu, phải trả của quỹ và sự khác biệt (nếu có); phương pháp xác định tỷ lệ chuyển đổi;

B – Báo cáo phân tích việc hợp nhất, sáp nhập

(Báo cáo phải được viết ngắn gọn, súc tích, thể hiện bằng ngôn ngữ dễ hiểu, ít sử dụng các thuật ngữ chuyên môn. Nội dung của báo cáo thay đổi tùy thuộc vào đối tượng là nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập hoặc quỹ nhận sáp nhập)

1. Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập;
2. Các ảnh hưởng dự kiến có thể xảy ra do hợp nhất, sáp nhập.
 - a) Thay đổi về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư, mức độ pha loãng hiệu quả hoạt động đầu tư và rủi ro tiềm ẩn;
 - b) Chi phí phát sinh, tổ chức chịu trách nhiệm thanh toán (công ty quản lý quỹ);

c) Thay đổi liên quan tới chính sách về thuế, lệ phí, các loại phí như phát hành, phí mua lại, phí chuyển đổi; so sánh các mức thuế, phí, lệ phí trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập, kèm theo giải trình

d) Các thay đổi làm ảnh hưởng tới quyền lợi khác của nhà đầu tư; so sánh quyền của nhà đầu tư trước và sau khi hợp nhất, sáp nhập;

3. Quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư (của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập) liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập:

a) Quyền được tiếp cận mọi thông tin liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập;

b) Quyền được nhận các tài liệu của các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập, quỹ nhận sáp nhập bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;

c) Quyền được nhận báo cáo thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập do Ngân hàng giám sát xây dựng;

d) Quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ; nguyên tắc xác định giá mua lại hoặc tỷ lệ chuyển đổi; thời hạn nhận mua lại hoặc nhận chuyển đổi;

e) Thông tin về các khoản lợi nhuận tích lũy của quỹ và việc sử dụng các khoản này;

f) Trường hợp việc hợp nhất, sáp nhập kèm theo việc thanh toán tiền cho nhà đầu tư, báo cáo phải bổ sung các thông tin về tỷ lệ tiền thanh toán hoặc mức tiền dự kiến chi trả trên một đơn vị quỹ; đối tượng nhận thanh toán; hình thức và thời hạn thanh toán; nguồn vốn thanh toán;

4. Lộ trình chi tiết của tiến trình hợp nhất, sáp nhập:

a) Thời điểm tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư hoặc thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản từ nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập; hình thức cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về kết quả biểu quyết;

b) Thời hạn mà các quỹ tiếp tục thực hiện các lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ;

c) Thời hạn các quỹ tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ để hoàn tất việc hợp nhất, sáp nhập;

d) Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến;

C – Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

1) Thông qua việc hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ; tên các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị tách; loại hình quỹ; ngày hợp nhất, ngày sáp nhập, ngày tách dự kiến; nguyên tắc và hình thức hợp nhất, sáp nhập (thanh toán hết các nghĩa vụ nợ trước khi hợp nhất, sáp nhập; hoặc chuyển giao các nghĩa vụ nợ cho các quỹ hợp nhất, quỹ nhận

sáp nhập), nguyên tắc phân tách danh mục quỹ; nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi;

2) Thông qua danh sách Ban đại diện quỹ các quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập, tách quỹ;

3) Thông qua dự thảo Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập quỹ.

Trường hợp hợp nhất quỹ hoặc tách quỹ, Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phải bổ sung các nội dung khác như sau:

4) Thông qua Điều lệ quỹ mới hình thành sau hợp nhất, tách; mục tiêu và chính sách, chiến lược đầu tư; nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ hình thành sau hợp nhất, tách; nguyên tắc phân chia lợi nhuận và các nội dung quan trọng khác liên quan

5) Thông qua Công ty quản lý quỹ (tên Công ty quản lý quỹ, số Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, địa chỉ trụ sở chính);

6) Thông qua hợp đồng giám sát ký với Ngân hàng giám sát kèm theo thông tin về Ngân hàng giám sát (tên Ngân hàng giám sát, số Giấy phép thành lập và hoạt động, số Giấy chứng nhận hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, địa chỉ trụ sở chính).

D – Phương án tách quỹ tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

I. Thông tin về quỹ bị tách:

1) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của quỹ;

2) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này;

3) Danh sách và sơ yếu lý lịch trích ngang của thành viên Ban Đại diện quỹ; người điều hành quỹ;

4) Tóm tắt tình hình hoạt động của các quỹ; cơ cấu danh mục đầu tư; nguồn vốn và tài sản trước khi hợp nhất, sáp nhập; vốn điều lệ; số lượng đơn vị quỹ của từng quỹ đang lưu hành;

II. Thông tin về việc tách quỹ

1) Nguyên nhân, lý do phải tách quỹ;

2) Danh mục đầu tư của quỹ bị tách tại ngày định giá gần nhất; phương án tách danh mục đầu tư của quỹ; phương thức xác định giá trị các khoản phải thu, phải trả của quỹ và sự khác biệt (nếu có), giá trị các khoản nợ, khoản phải trả của quỹ bị tách; phương án thanh toán các khoản nợ của quỹ bị tách; nguồn vốn để thanh toán các khoản nợ và phương án thanh lý tài sản để đáp ứng các nghĩa vụ nợ (nếu cần thiết); danh mục đầu tư của từng quỹ dự kiến hình thành sau khi bị tách;

3) Bảng liệt kê chi tiết những nội dung dự kiến thay đổi (nếu có) tại dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi tách;

4) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức ủy quyền, danh sách các đại lý phân phối của các quỹ hình thành sau khi tách; phí quản lý, phí giám sát và các phí khác của các quỹ hình thành sau khi tách;

5) Thời điểm dự kiến tách;

6) Lộ trình chi tiết của việc tách quỹ; thời hạn thanh toán hết các nghĩa vụ nợ; thời hạn, thủ tục, điều kiện, quy trình tổ chức thực hiện chuyển đổi đơn vị quỹ và phát hành đơn vị quỹ của quỹ mới hình thành sau khi tách cho nhà đầu tư;

7) Phương án và thời điểm dự kiến thực hiện việc định giá, phát hành, mua lại chứng chỉ của các quỹ hình thành sau khi bị tách.

Phụ lục số 17

Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

I. Thông tin về các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập và quỹ hình thành sau khi hợp nhất, sáp nhập:

- 1) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của các quỹ;
- 2) Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch tiếng Việt, tiếng Anh của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính; website của các tổ chức này;

II. Thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập:

- 1) Mục đích, lý do việc hợp nhất, sáp nhập;
- 2) Các ảnh hưởng do hợp nhất, sáp nhập quỹ dự kiến có thể xảy ra đối với nhà đầu tư của quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập và quỹ nhận sáp nhập;
- 3) Phương pháp và nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng để thực hiện chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và tiền thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều 31 Thông tư này;
- 4) Ngày hợp nhất, sáp nhập dự kiến;
- 5) Thời hạn, thủ tục, điều kiện, quy trình tổ chức thực hiện việc chuyển đổi đơn vị quỹ, chuyển giao tài sản từ các quỹ bị hợp nhất, quỹ bị sáp nhập cho quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập;
- 6) Trường hợp hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất bao gồm các điều khoản về việc thành lập quỹ hợp nhất.

Phụ lục số 18

Mẫu danh sách nhà đầu tư phản đối quyết định hợp nhất, sáp nhập

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

STT	Họ và tên nhà đầu tư, chủ nợ (đối với cá nhân)/ Tên Công ty (đối với tổ chức)	Số CMND/Số Giấy ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Số lượng đơn vị quỹ yêu cầu Quỹ mua lại/Giá trị khoản nợ	Mức giá thực hiện mua lại	Tổng giá trị hợp đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) × (5)
Quỹ:.....(tên của quỹ bị hợp nhất/bị sáp nhập)					
Nhà đầu tư yêu cầu quỹ mua lại chứng chỉ quỹ					
A	Tổng				
Chủ nợ yêu cầu thanh toán					
B1	Tổng				
Chủ nợ yêu cầu bảo lãnh thanh toán					
B2	Tổng				
C	Tổng lượng tiền mặt cần thanh toán (C) = (A) + (B1)				
D	Lượng tiền mặt trong danh mục tài sản của quỹ				
Quỹ:.....(tên của quỹ bị hợp nhất/bị sáp nhập)					
Nhà đầu tư yêu cầu quỹ mua lại chứng chỉ quỹ					
A	Tổng				
Chủ nợ yêu cầu thanh toán					
B1	Tổng				
Chủ nợ yêu cầu bảo lãnh thanh toán					
B2	Tổng				
C	Tổng lượng tiền mặt cần thanh toán (C) = (A) + (B1)				
D	Lượng tiền mặt trong danh mục tài sản của quỹ				

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực về những nội dung trên.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng
giám sát**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 19

Các nội dung chính trong hồ sơ lưu tại Ngân hàng giám sát

và Công ty quản lý quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ phải lưu trữ các tài liệu chứng từ liên quan tới hoạt động giám sát, quản lý quỹ cụ thể như sau:

Quỹ mở	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát 1) Tài liệu, chứng từ về tất cả các đợt phát hành chứng chỉ quỹ, với các nội dung sau: a) Ngày đặt mua; b) Thông tin chi tiết của nhà đầu tư (Họ và tên, địa chỉ liên lạc, Số CMTND/Tên đầy đủ, tên viết tắt, địa chỉ trụ sở chính, Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh); c) Số lượng đơn vị quỹ; d) Giá phát hành và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; e) Phí phát hành; f) Tên của đại lý phân phối, địa điểm phân phối/Tên của đại lý ký danh; g) Hoa hồng (nếu có); h) Các vấn đề khác có liên quan; i) Ngày ký hợp đồng; 2) Chứng từ thanh toán của mỗi hợp đồng a) Ngày thực hiện giao dịch b) Ngày nhận thanh toán, người thực hiện thanh toán c) Ngày chuyển tiền vào tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát) d) Ngày thanh toán (ngân hàng giám sát) e) Người nhận thanh toán (ngân hàng giám sát) f) Ngày khấu trừ khỏi tài khoản của quỹ (ngân hàng giám sát)
--------	---

Giao dịch tài sản cho danh mục của quỹ (hạch toán riêng từng	Ngân hàng giám sát Hoạt động lưu chuyển tiền tệ của quỹ kèm theo hợp đồng và các hồ sơ, chứng từ thanh toán có liên quan tới: a) Các khoản thu từ các đợt phát hành thêm chứng chỉ quỹ b) Các khoản thanh toán cho việc mua lại chứng chỉ quỹ c) Các khoản thanh toán cho tổ chức môi giới chứng khoán cho các
---	---

quỹ)	giao dịch mua chứng khoán cho quỹ; d) Các khoản thu từ các tổ chức môi giới chứng khoán cho các giao dịch bán chứng khoán cho quỹ; e) Thông tin chi tiết về mọi lệnh giao dịch mua, bán cho tài sản quỹ phải được lưu trữ trong sổ lệnh. Sổ lệnh phải bao gồm các nội dung sau: 1. Tên quỹ 2. Khối lượng chứng khoán/tài sản đặt giao dịch; 3. Thời gian đặt lệnh giao dịch. Khi lệnh đã được khớp, sổ lệnh cần phải cập nhật thêm các thông tin sau: 1. Tên quỹ ; 2. Khối lượng giao dịch đã thực hiện; 3. Thời gian thực hiện giao dịch; 4. Thời điểm nhận giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc thời điểm giấy chứng nhận này được ngân hàng lưu ký phát hành; 5. Những điều chỉnh/thay đổi liên quan tới giao dịch hoặc các lỗi giao dịch
Các khoản đầu tư – Tài khoản vốn	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát Thông tin về các khoản đầu tư phải được lưu trữ bao gồm: a) Khối lượng và giá của từng loại tài sản đã giao dịch thành công; b) Tổng chi phí giao dịch bao gồm hoa hồng và phí giao dịch c) Các giao dịch tiếp theo liên quan tới tài sản này; d) Giá tại các giao dịch tiếp theo liên quan tới tài sản này; e) Thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán Thông tin về các hoạt động của tổ chức phát hành làm thay đổi bản chất, số lượng hoặc giá trị của tài sản (phát hành các quyền mua, chia tách cổ phiếu, điều chỉnh giảm vốn, thay đổi giá trị danh nghĩa, thay đổi tên, thu tóm hoặc sáp nhập, phá sản hoặc thanh lý) đều phải được lưu trữ, bao gồm: 1. Loại hoạt động 2. Ngày có hiệu lực 3. Kết quả thay đổi (theo giá trị hoặc khối lượng)
Các khoản thu nhập đầu tư – tài khoản thu nhập	Ngân hàng giám sát Thông tin về thu nhập và lợi nhuận phải bao gồm các nội dung: Loại hình thu nhập Người trả Nguồn thu nhập; Ngày nhận Tỷ lệ (trái khoán, trái tức, cổ tức) Giá trị

	Khấu trừ thuế, và tỷ lệ khấu trừ
Các khoản vay	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát Tiền vay a) Giá trị khoản vay b) Mục đích vay c) Tài sản thế chấp (nếu có – nêu chi tiết cụ thể) d) Tổ chức cho vay e) Ngày hoàn trả f) Tỷ lệ lãi suất g) Các điều kiện cho vay đặc biệt

Xác định giá trị tài sản ròng (NAV)	Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát Thông tin về quy trình và phương pháp tính giá trị tài sản ròng cần phải được lưu trữ bao gồm: a) Số lượng chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) hoặc các loại hình tài sản khác. b) Giá thị trường của mỗi tài sản. Trường hợp không có giá thị trường, thì sử dụng giá trị hợp lý phù hợp quy định; c) Phương pháp tính NAV - Hồ sơ định giá do công ty quản lý quỹ thành lập - Báo giá của các tổ chức báo giá; - Các sai sót trong quá trình tính toán NAV do Ngân hàng giám sát (hoặc Công ty quản lý quỹ trong trường hợp ủy quyền việc định giá cho ngân hàng giám sát thực hiện) kiểm tra phát hiện; mức độ sai sót so với giá trị tài sản ròng NAV
Giá phát hành, giá mua lại một đơn vị chứng chỉ quỹ	Công ty quản lý quỹ a) Giá trị tài sản ròng của quỹ và thời điểm xác định giá trị này (ngày, tháng, giờ) b) Số lượng đơn vị quỹ trong đợt phát hành sử dụng để định giá; c) Phí – phát hành hoặc mua lại – phí này được cộng vào giá hoặc trừ đi từ giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ d) Quy trình xác định giá trị tài sản ròng (quy định tại Điều lệ Quỹ trong Hồ sơ thành lập quỹ và đã được công bố tại các Bản Cáo bạch) e) Chứng từ, sổ sách f) Chi tiết về các sai sót trong việc xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và cách xử lý các sai sót đó g) Xác nhận của Ngân hàng giám sát về sự chính xác của giá trị tài sản ròng, giá phát hành, giá mua lại

	h) Tài liệu chứng minh việc thẩm định và xác nhận của Ngân hàng giám sát, và bản sao của những thông báo gửi đến công ty quản lý quỹ về lỗi sai sót trong việc định giá (nếu có)
Sổ đăng ký nhà đầu tư	Công ty quản lý quỹ Sổ đăng ký nhà đầu tư của quỹ cần phải luôn được cập nhật. Sổ đăng ký phải được lập theo mẫu, dưới dạng văn bản và dưới dạng thông tin điện tử, gồm các nội dung sau: a) Tên và địa chỉ hiện tại (nếu có) của nhà đầu tư, mã số nhà đầu tư, Số CMTND hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; b) Số lượng đơn vị nắm giữ c) Thời điểm mua chứng chỉ d) Tên đại lý phân phối chứng chỉ, địa điểm phân phối e) Các yêu cầu đặc biệt của nhà đầu tư đối với số đơn vị quỹ trên tài khoản của nhà đầu tư (liên quan tới việc cầm cố, thế chấp, ký quỹ chứng chỉ quỹ, các quy định đối với thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...); f) Thông tin về các giao dịch cá nhân với các nội dung: - Loại hình giao dịch (mua, bán, hoặc các hình thức chuyển nhượng khác) - Tên của đối tác giao dịch - Ngày thực hiện giao dịch - Khối lượng giao dịch - Tên đại lý phân phối, địa điểm phân phối
Thông tin chi tiết về tài sản trong danh mục của quỹ được lưu ký tại ngân hàng giám sát	Ngân hàng giám sát Thông tin về các tài sản được lưu ký bao gồm: a) Ký danh (tên) của tài khoản lưu ký; b) Danh mục đầu tư của quỹ; c) Thông tin chi tiết của các Hợp đồng lưu ký phụ cho từng tài sản (nếu có). d) Khối lượng tài sản e) Ngày thực hiện giao dịch. f) Giá giao dịch g) Hình thức sở hữu và nơi lưu ký tài sản (ghi danh, chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ) h) Các yêu cầu đặc biệt của quỹ phù hợp với quy định của pháp luật (liên quan tới việc cầm cố, thế chấp, ký quỹ tài sản, các quy định đối với

	thủ tục phá sản, hoạt động điều tra hình sự, di chúc...) (nếu có) Các thông tin này phải được xây dựng theo hình thức để có thể phân tích: a) Theo loại hình tài sản lưu ký; b) Theo loại hình quỹ ; Thông tin về các giao dịch đã được thực hiện bao gồm: a) Loại, tên tài sản b) Giá trị c) Loại giao dịch d) Ngày thực hiện giao dịch e) Thông báo xác nhận kết quả giao dịch (hóa đơn, chứng từ, xác nhận của ngân hàng...) f) Hoạt động điều chỉnh trên tài khoản danh mục, nhà đầu tư ủy thác. g) Giá trị tài sản ròng và phương pháp tính giá h) Các chứng từ kiểm tra và xác minh, các bản sao của các thông báo xác nhận kết quả giao dịch, thông báo báo lỗi....
Lưu trữ và bảo quản	Ngân hàng giám sát a) Địa điểm nơi các tài sản phải được lưu trữ, bảo quản. b) Thẩm quyền di chuyển hoặc chuyển nhượng tài sản. c) Các biên bản kiểm tra định kỳ về tình hình tài sản do ngân hàng lưu ký hoặc tổ chức kiểm toán hợp pháp thực hiện.

Phụ lục số 20

Mẫu Giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

GIẤY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Kính gửi: Công ty quản lý quỹ.....

1	Thông tin về nhà đầu tư	
Họ và tên nhà đầu tư:		Số tài khoản:
Số CMND/Hộ chiếu còn hiệu lực		Nơi, ngày cấp:
Ngày tháng năm sinh		
Loại tài khoản: Nhà đầu tư ☐ Đại lý phân phối ☐		
Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)		
Điện thoại nhà riêng:		
Điện thoại nơi làm việc:		
Điện thoại di động:		
Thư điện tử:		
Tài khoản tiền gửi tại ngân hàng		
Số tài khoản ngân hàng		
Người quản lý tài khoản		
<i>Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức, bổ sung thông tin về người được ủy quyền đặt lệnh:</i>		
Họ và tên người được ủy quyền đặt lệnh:		Số CMND:
Chức vụ:		
Điện thoại nhà riêng:		
Điện thoại nơi làm việc:		
Điện thoại di động:		
Thư điện tử:		
Tên các Quỹ đăng ký tham gia:		
Cam kết của nhà đầu tư: Tôi cam kết rằng đã tìm hiểu rõ Bản cáo bạch về Quỹ (tên của quỹ).....Điều lệ Quỹ....		
Các thông tin khác theo quy định của Công ty quản lý quỹ		

2	Thông tin về người được hưởng lợi	
Người được hưởng lợi		
Họ tên:		
Số CMND:		Nơi, ngày cấp:
Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)		
Điện thoại:		Thư điện tử:
Giấy tờ kèm theo		
☐ CMND (bản photocopy) ☐ Hộ chiếu hoặc Visa (bản photocopy)		
Các thông tin khác theo quy định của Công ty quản lý quỹ		
3	Thông tin về đại lý phân phối	
Tên của tổ chức làm đại lý phân phối:		
Số Giấy phép thành lập và hoạt động		Ngày cấp:
Địa chỉ trụ sở chính		
Điện thoại:		Trang thông tin điện tử
Địa chỉ địa điểm phân phối:		
Điện thoại		Fax
Họ và tên nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ		Số Giấy Chứng chỉ hành nghề/ngày cấp
Điện thoại liên lạc của nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ:		Email
Các thông tin khác theo quy định của Công ty quản lý quỹ		
Nhà đầu tư (ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu (nếu là tổ chức))		Đại diện có thẩm quyền của Đại lý phân phối (ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)
		Tổng Giám đốc của Công ty quản lý quỹ (ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)
Ngày tháng..... năm		Ngày tháng..... năm
Các tài liệu khác nếu có liên quan (văn bản ủy quyền)		

Phụ lục số 21

Mẫu Giấy đề nghị giao dịch chứng chỉ quỹ mở

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Kính gửi: Công ty quản lý quỹ

1	Phần dành cho nhà đầu tư			
Họ và tên nhà đầu tư:			Số tài khoản:	
Số CMND:			Nơi, ngày cấp:	
Loại tài khoản:		Nhà đầu tư ☐	Đại lý phân phối ☐	
Loại lệnh: MUA ☐				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh: BÁN ☐				
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ BÁN				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh: CHUYỂN ĐỔI QUỸ ☐				
Từ quỹ (tên của quỹ)			sang quỹ (tên của quỹ mục tiêu)	
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI:				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ
Loại lệnh/yêu cầu: HỦY LỆNH/YÊU CẦU MUA ☐ BÁN ☐				
Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	

	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Loại lệnh/yêu cầu: **ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ**
SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ MUA HÀNG THÁNG

Quỹ	Số lượng		Phần dành cho đại lý phân phối	
	Bảng số	Bảng chữ	Số thứ tự lệnh	Số Chứng từ

Hình thức thanh toán
Tiền mặt ☐
Chuyển khoản ☐

Địa chỉ liên hệ của nhà đầu tư (bằng thư)

Điện thoại nhà riêng:
Điện thoại nơi làm việc:
Điện thoại di động:
Thư điện tử:

Tài khoản tiền gửi tại ngân hàng
Số tài khoản ngân hàng
Người quản lý tài khoản

Nhà đầu tư (ký, ghi rõ họ, tên)	Nhân viên của Đại lý phân phối (ký, ghi rõ họ, tên)
Ngày tháng..... năm	Ngày tháng..... năm

Các thông tin khác theo quy định của Công ty quản lý quỹ

Các văn bản thoả thuận và các uỷ quyền đi kèm

2	Phần dành cho đại lý phân phối		
Thời điểm nhận lệnh	Nhân viên nhận lệnh	Nhân viên kiểm soát	

Phụ lục số 22

Mẫu thông báo xác nhận giao dịch chứng chỉ Quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

XÁC NHẬN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

(báo cáo gửi nhà đầu tư sau khi hoàn tất giao dịch)

Tên nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Loại giao dịch: *(mua/bán/chuyển đổi)*

Ngày xác nhận giao dịch:

Tên quỹ: *(nêu đầy đủ tên của quỹ)*

Hình thức thanh toán: *(tiền mặt/chuyển khoản)*

Số tài khoản:

Số giao dịch:

Ngày giao dịch:

Số lượng đơn vị quỹ:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ:

Phí giao dịch (phí phát hành/phí mua lại):

Giá thực hiện:

Tổng giá trị thanh toán:

Đại lý phân phối: *(tên của đại lý phân phối)*

Ghi chú:

Phụ lục 23

Sổ lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

Thông tin về lệnh giao dịch lưu trữ tại Sổ lệnh

- a) Tên quỹ;
- b) Họ và tên người đặt lệnh hoặc chuyển lệnh;
- c) Họ và tên người nhận lệnh;
- d) Thời điểm (ngày, tháng, năm, giờ, phút) nhận lệnh;
- e) Điều khoản và hình thức thanh toán;
- f) Loại lệnh;
- g) Thời điểm (ngày, tháng, năm, giờ, phút) thực hiện lệnh;
- h) Số lượng đơn vị quỹ đã giao dịch thành công (số lượng đơn vị quỹ đã mua, số lượng đơn vị quỹ đã bán);
- i) Giá phát hành, giá mua lại trên một đơn vị quỹ;
- k) Giá trị chứng chỉ quỹ đã mua, Giá trị chứng chỉ quỹ đã bán;
- l) Tổng giá trị thanh toán (giá trị chứng chỉ quỹ đã mua cộng phí phát hành, giá trị chứng chỉ quỹ đã bán trừ đi phí mua lại).

Phụ lục số 24

Mẫu thông báo về giá trị tài sản ròng của Quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

(báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch)

Tên Công ty quản lý quỹ:

Tên Ngân hàng giám sát:

Tên Quỹ:

Ngày định giá/Ngày giao dịch: ngày...tháng... năm....

Tên Quỹ mở	Phí phát hành (% giá trị giao dịch)	Phí mua lại (% giá trị giao dịch)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá (NAV)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá kỳ trước	Tăng/Giảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ so với kỳ trước (%)	Biến động giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trong năm		Tỷ lệ sở hữu của NĐTNN		
						Mức cao nhất (VND)	Mức thấp nhất (VND)	Số lượng đơn vị quỹ	Tổng giá trị tại ngày giao dịch	Tỷ lệ sở hữu
1										
2										

Đại diện có thẩm quyền của ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 25

Mẫu Bản thống kê giao dịch của nhà đầu tư

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

THỐNG KÊ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

(định kỳ hàng tháng, quý, năm)

Tên của nhà đầu tư:

Địa chỉ:

Tài khoản số:

Kỳ báo cáo: từ ngày.....tháng.....năm tới ngày.....tháng.....năm.....

Ngày	Giao dịch	Số lượng đơn vị quỹ	Giá trị tài sản ròng (NAV) trên một đơn vị quỹ	Giá giao dịch trên một đơn vị quỹ	Tổng giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)×(5)
	Số dư đầu kỳ				
	Mua				
	Bán				
	Số dư cuối kỳ				

** Tính theo giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất*

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân
hàng giám sát**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 26

Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**
(định kỳ hàng tháng, quý, năm)

Tên của Công ty quản lý quỹ:

Tên của Ngân hàng giám sát:

Kỳ báo cáo: từ ngày.....tháng.....năm tới ngày.....tháng.....năm

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
Tên Quỹ			
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) đầu kỳ		
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó		
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ		
	II.2 Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ		
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (= III.1 – III.2)		
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ		
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ		
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ cuối kỳ (= I + II + III)		

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân
hàng giám sát**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 27

Mẫu Bản thống kê phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

THỐNG KÊ PHÍ GIAO DỊCH CỦA CÁC QUỸ

(định kỳ 6 tháng, hàng năm)

Tên của Công ty quản lý quỹ:

Địa chỉ:

Kỳ báo cáo: từ ngày.....tháng.....năm tới ngày.....tháng.....năm

Số thứ tự	Tên (mã) các Công ty chứng khoán (có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong năm	Quan hệ với Công ty quản lý quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo của quỹ	Tỷ lệ giao dịch của quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ báo cáo		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng							

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 28

Nội dung Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(bán niên, năm)

1. Thông tin về quỹ

- a) Tên của quỹ, loại hình quỹ;
- b) Mục tiêu đầu tư của quỹ;
- c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có);
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có);
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận;
- f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành;
- g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có);
- h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có);
- i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở;

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:
 - Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) *(không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)*;
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ;
 - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành;
 - Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm
 - Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập);
 - Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận;
 - Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ *(chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính)*;
 - Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục *(chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính)*;
- b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định: (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm); (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm);

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác;

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập.

d) Báo cáo phải nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có);

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ);

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị);

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị);

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo;

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)....;

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách);
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ;
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có);
- m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ mở đối với các nội dung sau:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có);
- b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- c) Việc xác định giá trị tài sản ròng theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ là phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ.

Trường hợp Ngân hàng giám sát có ý kiến cho rằng Công ty quản lý quỹ không tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch về các nội dung nêu trên, thì phải cung cấp thông tin đầy đủ về các sự kiện đó, trong đó nêu rõ các ảnh hưởng có thể xảy ra đối với nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ, kể cả nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ trước đây và nhà đầu tư tiềm năng tại thời điểm phát sinh sự kiện. Ngân hàng giám sát cần đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục, giải pháp nhằm hạn chế các tình huống tương tự có thể xảy ra trong tương lai.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ;
- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ;
- c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ);
- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm

họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 29

Mẫu công văn báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

Tên Công ty quản lý quỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên Quỹ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....(số công văn)

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của Quỹ.....(tên quỹ) như sau:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung

- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

- Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư (trong trường hợp phải thông qua Đại hội nhà đầu tư);
- Điều lệ sửa đổi bổ sung

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 30

Mẫu Báo cáo của Ngân hàng giám sát

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

(Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...,ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ MỞ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ngân hàng giám sát:.....

Địa chỉ:

Giấy phép hoạt động số: do..... cấp ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: do UBCKNN cấp ngày.....

I. Những vi phạm quy định pháp luật của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại Điều 72 của Luật Chứng khoán:

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

2. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định tại điều 73 của Luật Chứng Khoán

Công ty quản lý quỹ	Giấy phép hoạt động số	Hình thức vi phạm	Số lượng quỹ bị ảnh hưởng

3. Công ty quản lý quỹ định giá sai chứng chỉ quỹ mở

3.1 Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở

Tên quỹ và Công	Mức sai lệch	Số lượng	Thời gian quỹ bị định giá sai*	Giá trị khoản đền bù	Tình trạng
-----------------	--------------	----------	--------------------------------	----------------------	------------

ty quản lý quỹ		nhà đầu tư bị ảnh hưởng		Đền bù cho quỹ	Đền bù cho nhà đầu tư	khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất)

** Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở*

3.2 Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư

Tên quỹ và Công ty quản lý quỹ	Mức sai lệch	Số lượng nhà đầu tư bị ảnh hưởng	Thời gian quỹ bị định giá sai*	Tình trạng khắc phục (hoàn tất/chưa hoàn tất)

4. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán, Điều 17, 18, 19 Thông tư Thành lập và Quản lý Quỹ mở)

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

TT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ bị ảnh hưởng	Biện pháp xử lý

5. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ

Tên công ty:

Số lần vi phạm:

Số quỹ bị ảnh hưởng:

Số quỹ đang quản lý:

TT	Loại hình vi phạm	Tên quỹ bị ảnh hưởng	Biện pháp xử lý

--	--	--	--

6. Công ty quản lý quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát phát hiện

Công ty quản lý quỹ	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm	Biện pháp xử lý

II. Vi phạm của Ngân hàng giám sát

1. Vi phạm quy định của Luật chứng khoán

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều 98		
Điều 99		
....		
....		

2. Vi phạm các quy định tại Thông tư thành lập và quản lý quỹ mở của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Vi phạm	Loại hình vi phạm	Biện pháp xử lý
Điều 27		
Điều 28		
....		

3 Vi phạm các quy định trong Hợp đồng giám sát

Hợp đồng Giám sát số	Số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

4 Báo cáo về các lỗi phát hiện trong khi đối soát chứng từ, tài sản giữa công ty quản lý quỹ và Ngân hàng Giám sát

Ngày phát hiện lỗi	Tên quỹ	Loại lỗi

5 Những vi phạm giám sát khác

Tổng số vi phạm	Loại vi phạm	Số quỹ bị tác động bởi vi phạm

III. Đánh giá cụ thể về hoạt động quản lý quỹ của từng công ty quản lý quỹ

- Đánh giá toàn bộ hoạt động quản lý quỹ;
- Đánh giá hoạt động xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Việc phát hành chứng chỉ quỹ, huy động vốn cho Quỹ;
- Các hoạt động khác.

IV. Kiến nghị (nếu có)

Chúng tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật rằng những thông tin trên đây là đầy đủ, trung thực và chính xác

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 31

Mẫu Báo cáo hoạt động vay, giao dịch mua bán lại của quỹ
(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)
(Báo cáo định kỳ tháng, quý, năm)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...,ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VAY, GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI CỦA QUỸ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty quản lý quỹ:.....

Địa chỉ:

Ngân hàng giám sát:.....

Địa chỉ:

STT	Nội dung hoạt động (nêu chi tiết theo mục tiêu và đối tác)	Đối tác	Mục tiêu/Tài sản đảm bảo	Kỳ hạn	Giá trị khoản vay hoặc khoản cho vay	Thời điểm giao dịch		Thời điểm báo cáo	
						Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ	Ngày tháng năm	Tỷ lệ giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ
1.1	Vay tiền (nêu chi								

	tiết từng hợp đồng)								
	...								
I	Tỷ lệ tiền vay từ các hợp đồng/giá trị tài sản ròng								
1.2	Hợp đồng Repo ⁵ (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
									
II	Tổng giá trị các hợp đồng Repo/giá trị tài sản ròng của quỹ								
A	Tổng giá trị các khoản vay/giá trị tài sản ròng của quỹ (=I+II)								
2.1	Cho vay chứng khoán (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
	...								
I	Tổng giá trị các hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ								
2.2	Hợp đồng								

⁵ Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại, trong đó quỹ là bên bán chứng khoán (bên đi vay tiền)

	Reverse Repo ⁶ (nêu chi tiết từng hợp đồng)								
									
II	Tổng giá trị hợp đồng/giá trị tài sản ròng của quỹ								
B	Tổng giá trị các khoản cho vay/giá trị tài sản ròng của quỹ (=I+II)								

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc Công ty quản lý quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁶ Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại, trong đó quỹ là bên mua chứng khoán (bên cho vay chứng khoán)

Phụ lục số 32

Một số nội dung liên quan tới hoạt động ủy quyền

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở)

I. Hợp đồng ủy quyền

1) Chi tiết về quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng; hoạt động mà bên nhận ủy quyền được phép tái ủy quyền cho bên thứ ba;

2) Các loại hình rủi ro tiềm ẩn từ hoạt động ủy quyền được nhận diện từ quá trình thẩm định năng lực (due dilligence) của bên nhận ủy quyền, phương án quản lý rủi ro;

3) Cơ chế kiểm tra, giám sát bảo đảm Ban đại diện quỹ, Công ty quản lý quỹ có đủ khả năng kiểm soát, can thiệp vào hoạt động của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền là phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định của Hợp đồng. Việc kiểm tra, giám sát của Công ty quản lý quỹ bao hàm cả các nội dung hoạt động được bên nhận ủy quyền tái ủy quyền cho bên thứ ba. Cơ chế kiểm tra, giám sát phải có các quy định, bảo đảm:

a) Ban đại diện quỹ có thể tiếp cận tại mọi thời điểm cơ sở dữ liệu, thông tin về các hoạt động ủy quyền bao gồm tên, địa chỉ của bên nhận ủy quyền; giá trị hợp đồng; thời hạn hợp đồng; báo cáo đánh giá hiệu quả của hoạt động ủy quyền;

b) Danh sách các nhân viên của Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động ủy quyền; quy trình thẩm định năng lực, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của bên nhận ủy quyền; các chương trình kiểm tra định kỳ, giám sát thường xuyên;

4) Các quy định về xử lý tranh chấp phát sinh, thanh lý hợp đồng;

5) Các quy định về bảo mật thông tin, bảo đảm:

a) Công ty quản lý quỹ chỉ cung cấp lượng thông tin vừa đủ theo yêu cầu của hoạt động ủy quyền;

b) Các thông tin về nhà đầu tư chỉ được sử dụng cho hoạt động ủy quyền;

c) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm lưu trữ các thông tin từ hoạt động ủy quyền, có các giải pháp kỹ thuật, nhân sự và cơ cấu tổ chức phù hợp bảo đảm tính bảo mật của thông tin từ hoạt động ủy quyền.

6) Các quy định yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật, giải pháp tin học, hệ thống dự phòng bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt:

a) Bên nhận ủy quyền có đủ năng lực về hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, dự phòng nóng;

b) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, thử nghiệm hệ thống dự phòng và có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ về những thay đổi nếu có của hệ thống kỹ thuật của bên nhận ủy quyền;

c) Bên nhận ủy quyền lưu trữ cơ sở dữ liệu thông tin liên quan tới quỹ, nhà đầu tư của quỹ, bảo đảm có thể di chuyển ra khỏi hệ thống của bên nhận ủy quyền, xóa, hoặc phục hồi toàn bộ các dữ liệu này.

II. Nguyên tắc trong hoạt động ủy quyền

1. Bên nhận ủy quyền phải bảo đảm:

a) Việc ủy quyền và nguyên tắc của hoạt động ủy quyền phải được quy định tại điều lệ quỹ; các thông tin cơ bản về bên nhận ủy quyền, phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bên nhận ủy quyền phải được công bố tại bản cáo bạch. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ;

b) Bên nhận ủy quyền phải có đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cho hoạt động nhận ủy quyền;

c) Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền;

d) Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ;

e) Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán nội bộ đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm:

a) Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn...;

b) Kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của mình. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;

c) Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

d) Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

e) Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

g) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

h) Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Phụ lục số 33

Thông tin nhận biết nhà đầu tư

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

A - Nội dung thông tin nhận biết nhà đầu tư:

Đại lý phân phối tự thiết kế mẫu nhận biết nhà đầu tư, hoặc theo mẫu thiết kế bởi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng Giám sát, nhưng phải đảm bảo các thông tin tối thiểu sau đây:

a) Thông tin về nhà đầu tư:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân người Việt Nam: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; nghề nghiệp, chức vụ; điện thoại; đơn vị công tác, địa chỉ đơn vị công tác;

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân nước ngoài (người có quốc tịch nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà vẫn còn quốc tịch Việt Nam): họ, tên; quốc tịch; ngày tháng năm sinh; số hộ chiếu; thị thực nhập cảnh, lý do nhập cảnh; địa chỉ tạm trú ở Việt Nam; nơi ở tại nước ngoài trong vòng 6 tháng trước khi vào Việt Nam và địa chỉ thường trú ở nước ngoài; nghề nghiệp, chức vụ; nơi công tác, địa chỉ nơi công tác; điện thoại liên lạc; mã số giao dịch chứng khoán;

Trường hợp tài khoản do nhiều nhà đầu tư đứng tên chủ sở hữu thì phải cung cấp đầy đủ những thông tin nêu trên đối với từng nhà đầu tư.

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức: tên đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin tóm tắt về cơ cấu tổ chức và bộ máy lãnh đạo; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với nhà đầu tư cá nhân nêu trên).

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài: tên đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin tóm tắt về cơ cấu tổ chức và sở hữu; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với nhà đầu tư cá nhân nêu trên).

b) Thông tin về người được hưởng lợi:

- Đối với người được hưởng lợi là cá nhân người Việt Nam: họ, tên; ngày, tháng, năm sinh; số chứng minh thư hoặc số hộ chiếu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở hiện tại; nghề nghiệp, chức vụ; điện thoại; đơn vị công tác, địa chỉ đơn vị công tác;

- Đối với người được hưởng lợi là cá nhân nước ngoài (người có quốc tịch nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà vẫn còn quốc tịch Việt Nam): họ, tên; quốc tịch; ngày tháng năm sinh; số hộ chiếu; thị thực nhập cảnh, lý do nhập cảnh; địa chỉ tạm trú ở Việt Nam; nơi ở tại nước ngoài trong vòng 6 tháng trước khi vào Việt Nam và địa chỉ thường trú ở nước ngoài; nghề nghiệp, chức vụ; đơn vị công tác, địa chỉ đơn vị công tác; điện thoại;

- Đối với người được hưởng lợi là tổ chức: tên đơn vị giao dịch đầy đủ và viết tắt; địa chỉ đặt trụ sở chính; số điện thoại, số fax; số, ngày cấp giấy phép thành lập, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cơ quan thành lập; thông tin về lĩnh vực hoạt động kinh doanh, lĩnh vực đầu tư; thông tin tóm tắt về cơ cấu tổ chức và bộ máy lãnh đạo; thông tin về người đại diện pháp luật cho tổ chức (bao gồm các thông tin như đối với người được hưởng lợi cá nhân nêu trên).

c) Tên và chữ ký của nhân viên chịu trách nhiệm duyệt mở tài khoản.

B. Biện pháp nhận biết nhà đầu tư

a) Sử dụng các tài liệu, dữ liệu gốc đáng tin cậy để nhận dạng và xác minh nhận dạng nhà đầu tư như:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: giấy chứng minh thư nhân dân, thị thực xuất - nhập cảnh gần nhất, hộ chiếu còn thời hạn sử dụng hoặc các giấy tờ tùy thân hợp lệ khác có ảnh của nhà đầu tư và có đóng dấu giáp lai lên ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với nhà đầu tư là tổ chức: giấy phép hoặc quyết định thành lập, quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế, báo cáo tài chính đã được kiểm toán; quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng.

b) Đại lý phân phối có thể sử dụng bên thứ ba để xác minh nhận dạng nhà đầu tư như sau:

- Thông qua các cá nhân, tổ chức (bao gồm cả các đại lý phân phối khác, ngân hàng lưu ký) đã hoặc đang có quan hệ với nhà đầu tư và đối chiếu thông tin có được với thông tin do nhà đầu tư cung cấp.

- Tổ chức báo cáo có thể thuê, hợp tác với các tổ chức khác để xác minh nhận dạng nhà đầu tư.

c) Trường hợp có nhiều nhà đầu tư có liên quan thì Đại lý phân phối phải áp dụng biện pháp xác minh nhận dạng đối với từng nhà đầu tư;

d) Đại lý phân phối tự bổ sung các biện pháp nhận biết nhà đầu tư khác căn cứ vào tính chất hoạt động, kinh doanh của mình và căn cứ vào mức độ rủi ro rửa tiền gắn với từng loại nhà đầu tư.

Phụ lục số 34

Mẫu báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của quỹ

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về thành lập và quản lý quỹ mở)

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

(Tháng, quý, năm)

1. Tên Công ty quản lý quỹ :
2. Tên Ngân hàng giám sát:
3. Tên Quỹ:
4. Ngày lập báo cáo:

Đơn vị tính:.... VND

I. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ

TT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	%/cùng kỳ năm trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Tiền			
	Tiền gửi ngân hàng			
	Các khoản tương đương tiền			
I. 2	Các khoản đầu tư (kê chi tiết)			
I. 3	Cổ tức, trái tức được nhận			
I. 4	Lãi được nhận			
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)			
I. 6	Các khoản phải thu khác			
I. 7	Các tài sản khác			
I. 8	Tổng tài sản			

TT	Nợ	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	% cùng kỳ năm trước
II. 1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)			
II. 2	Các khoản phải trả khác			
II.3	Tổng nợ			
	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)			
	Tổng số đơn vị quỹ			
	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ			

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư			
1	Cổ tức, trái tức được nhận			
2	Lãi được nhận			
3	Các khoản thu nhập khác			
II	Chi phí			
1	Phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ			
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS			
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;			

4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;			
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ;			
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ;			
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.			
8	Các loại phí khác (<i>nêu chi tiết</i>)			
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)			
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư			
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư			
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ			
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)			
VI	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ			
VII	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ:			
	Trong đó			

1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ			
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ			
VIII	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ			
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			

III. BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

TT	Loại tài sản (nêu chi tiết)	Số lượng	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày báo cáo	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của quỹ
I	Cổ phiếu niêm yết				
1					
2					
	Tổng				
II	Cổ phiếu không niêm yết				
1					
2					
	Tổng				
	Tổng các loại cổ phiếu				
III	Trái phiếu				

1					
2					
	Tổng				
IV	Các loại chứng khoán khác				
1					
2					
	Tổng				
	Tổng các loại chứng khoán				
V	Các tài sản khác				
1					
2					
	Tổng				
VI	Tiền				
1	Tiền mặt				
2	Chứng chỉ tiền gửi				
3	Công cụ chuyển nhượng...				
...					
	Tổng				
VII	Tổng giá trị danh mục				

IV.MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC

TT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động		

1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho NHGS/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
3	Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%)		
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)		
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = $(\text{Tổng giá trị danh mục mua vào} + \text{tổng giá trị danh mục bán ra}) / \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}$		
II	Các chỉ tiêu khác		
1	Quy mô quỹ đầu kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ		
2	Thay đổi quy mô quỹ trong kỳ		
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ		
	Giá trị vốn thực huy động thêm trong kỳ		

	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ		
	Giá trị vốn thực phải thanh toán trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư		
3	Quy mô quỹ cuối kỳ		
	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ		
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ		
4	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ		
5	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ		
6	Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ		
7	Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh		
8	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối tháng		

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng

Giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Tổng) Giám đốc

Công ty quản lý quỹ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)